| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 18**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **21**/2025/KDTM-ST.
Ngày: 29-9-2025.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Phước Thành

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Lương Thanh Nhàn;

Ông Lê Thành Tâm.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà***: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: *22*/2025/TLST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐST-KDTM ngày 16 tháng *7* năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K.

Địa chỉ trụ sở: 16B, Vsip II – A, đường H, KCN Việt N, phường V, Tp.H.

Người đại diện theo ủy quyền (theo các Giấy ủy quyền cùng ngày 26/02/2025) gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1999 (vắng mặt).

2. Ông Lê Đình A, sinh năm 1995 (có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 26, đường T, khu phố Nh, phường D, Tp.H.

- *Các bị đơn:*

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí N.

Địa chỉ: Thửa đất số 3526, tờ bản đồ số 31, khu phố 4, phường T, Tp.H.

Người đại diện hợp pháp: Ông N1, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

2. Ông Võ Minh T2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 31, đường H26, khu phố 4, phường T, Tp.H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là Công ty T) có tên doanh nghiệp trước đây là Công ty TNHH Thiết bị K (sau đây gọi tắt là Công ty NHP). Trong thời gian hoạt động kinh doanh, cuối năm 2021 nguyên đơn nhận được đề nghị cung cấp khí $CO_2$ và khí Argon đóng chai từ Công ty TNHH Cơ khí N (sau đây gọi tắt là Công ty N).

Ban đầu, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói về giá cả và số lượng hàng đặt mua. Nguyên đơn bắt đầu tiến hành cung cấp cấp khí $CO_2$ và khí Argon đóng chai cho Công ty N kể từ ngày 31/12/2021.

Đến ngày 10/4/2022, nguyên đơn và Công ty N đã tiến hành ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: 1004NHP-NTP/2022 để thống nhất quy trình, giá cả liên quan đến việc cung ứng hàng hóa lâu dài của hai bên. Thời hạn hợp đồng từ ngày 10/4/2022 đến ngày 10/4/2023. Thời hạn thanh toán: Sau 20 ngày kể từ ngày Công ty NHP xuất hóa đơn. Đại diện ký kết hợp đồng bên phía Công ty N là ông Võ Minh T2. Chi tiết quá trình cung ứng hàng hóa cho công ty N như sau:

Ngày 31/12/2021, số hóa đơn 0000045, số tiền 5.445.000 đồng.

Ngày 29/01/2022, số hóa đơn 0000077, số tiền 23.232.000 đồng.

Ngày 28/02/2022, số hóa đơn 0000103, số tiền 16.335.000 đồng.

Ngày 31/3/2022, số hóa đơn 0000140, số tiền 14.520.000 đồng.

Ngày 28/4/2022, số hóa đơn 00000025, số tiền 8.910.000 đồng.

Ngày 31/5/2022, số hóa đơn 00000084, số tiền 8.910.000 đồng.

Ngày 30/6/2022, số hóa đơn 00000166, số tiền 14.256.000 đồng.

Ngày 30/7/2022, số hóa đơn 00000247, số tiền 22.275.000 đồng.

Ngày 30/8/2022, số hóa đơn 00000308, số tiền 20.250.000 đồng.

Ngày 28/9/2022, số hóa đơn 00000351, số tiền 10.692.000 đồng.

Tổng cộng là 144.825.000 đồng (đã bao gồm VAT).

Sau khi mua hàng, số tiền Công ty N đã thanh toán cho nguyên đơn cụ thể như sau:

Ngày 04/3/2022, thanh toán số tiền là 23.232.000 đồng.
Ngày 30/5/2022, thanh toán số tiền là 8.910.000 đồng.
Ngày 25/8/2022, thanh toán số tiền là 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty N đã thanh toán là 47.142.000 đồng. Số tiền Công ty N còn phải thanh toán là: 144.825.000 đồng - 47.142.000 đồng = 97.683.000 đồng.

Ngay khi thấy Công ty N chậm thanh toán, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ để đề nghị Công ty N thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 01/11/2022, Công ty chúng tôi và ông Nguyễn Minh T2 đã ký biên bản xác nhận công nợ và thời gian thanh toán. Trong đó Công ty N cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền hàng còn thiếu cho Công ty chúng tôi. Thời hạn thanh toán là ngày 20/11/2022. Thế nhưng sau khi ký Biên bản này, Công ty N vẫn không thanh toán.

Ngày 25/5/2024, ông Võ Minh T2 và nguyên đơn lập Biên bản xác nhận công nợ và thời gian thanh toán lần 2. Cụ thể ông T2cam kết sẽ tự mình chịu trách nhiệm chi trả số tiền hàng còn thiếu của Công ty N theo lộ trình từ ngày 25/6/2024 đến khi trả hết nợ. Đồng thời ông T2 sẽ phải chịu mức phạt tương đương với 8% giá trị vi phạm và chịu mức lãi suất chậm trả tương đương với lãi suất cho vay của Ngân hàng Vietcombank vào thời điểm hoàn trả nếu vi phạm lộ trình thanh toán.

Tuy nhiên, sau khi ký Biên bản xác nhận công nợ và thời gian thanh toán lần 2 ông T2 cũng như Công ty N vẫn không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Công ty chúng tôi.

Nhận thấy việc Công ty N và ông Võ Minh T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH Cơ khí N và ông Võ Minh T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công Ty TNHH K số tiền hàng còn nợ là: 97.683.000 đồng.
- Buộc Công ty TNHH Cơ khí N và ông Võ Minh T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công Ty TNHH K số tiền phạt vi phạm tương đương 8% phần nghĩa vụ bị vi phạm. Số tiền phạt vi phạm tạm tính là: 8% x 97.683.000 đồng = 7.814.640 đồng.
- Buộc Công ty TNHH Cơ khí N và ông Võ Minh T2 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công Ty TNHH K số tiền lãi chậm thanh toán của khoản tiền hàng còn nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, kể từ ngày 25/6/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Thời gian chậm thanh toán tạm tính từ ngày 25/6/2024 đến ngày 25/02/2025 là 08 tháng.

Tiền lãi chậm thanh toán tạm tính là: 7%/năm x 08 tháng x 97.683.000 đồng = 4.558.540 đồng.

**** Tại phiên tòa, ông Lê Đình A (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày:***

Nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ các yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Võ Minh T2.

Nguyên đơn cũng tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N về số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 7.814.640 đồng.

Nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N, cụ thể như sau:

- Yêu cầu Công ty TNHH Cơ khí N thanh toán cho Công Ty TNHH K số tiền hàng còn nợ là: 97.683.000 đồng.

- Yêu cầu Công TNHH Cơ khí N thanh toán cho Công Ty TNHH K tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền hàng còn nợ với mức 10%/ năm tính từ ngày 18/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025), cụ thể là: 97.683.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 11 tháng 11 ngày = 28.789.350 đồng.

**2.** Bị đơn Công ty TNHH K và ông Võ Minh T2: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Các bị đơn cũng không gửi bất cứ tài liệu hay văn bản gì trình bày trước các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng các các bị đơn được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N trả lại số tiền nợ gốc 97.683.000 đồng và tiền lãi với mức 10%/ năm là phù hợp.

Đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi khởi kiện mà nguyên đơn đã tự nguyện rút tại phiên tòa theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1].** Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp về quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa. Các bị đơn có địa chỉ cư trú và địa chỉ trụ sở tại khu phố 4, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là phường Thới Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Bến Cát, tỉnh Bình

Dương (nay là TAND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại các Điều: 30, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[2].** Về việc vắng mặt của các bị đơn tại phiên tòa:

Xét các bị đơn Công ty TNHH Cơ khí N và ông Võ Minh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự này theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**[3].** Về việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH K tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Võ Minh T2; tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là 7.814.640 đồng; việc thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ khí N về yêu cầu tính lãi chậm thanh toán tại phiên tòa:

- Xét nguyên đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Võ Minh T2 và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là 7.814.640 đồng, nên HĐXX căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện này của phía nguyên đơn.

- Xét việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ khí N tại phiên tòa về mức lãi chậm thanh toán là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu này và xem xét đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

**[4].** Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hàng còn nợ là 97.683.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức 10%/năm tính từ ngày 18/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025).

Quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH K đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ là: Hợp đồng nguyên tắc số 1004 NHP-NTP/2022 ngày 10/4/2022 được ký giữa Công ty TNHH Cơ khí N (thời điểm này ông Võ Minh T2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty) với Công ty TNHH Thiết bị K(sau này được đổi tên thành Công ty TNHH K); các Hóa đơn giá trị gia tăng; Biên bản xác nhận công nợ và thời gian thanh toán ngày 01/11/2022 (được ký với ông Võ Minh T2); Biên bản xác nhận công nợ ngày 25/5/2024 (được ký với ông Võ Minh T2).

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện đã xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn Công ty TNHH Cơ khí N có nợ tiền mua hàng của nguyên đơn theo Hợp đồng nguyên tắc số 1004 NHP-NTP/2022 ngày 10/4/2022 với số lượng hàng và các khoản nợ tương ứng chưa thanh toán. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hàng còn nợ 97.683.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng lần bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn, nên việc nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 18/10/2022 (ngày

đến hạn thanh toán sau cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2025) là có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi mà bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH K là: 97.683.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 11 tháng 11 ngày = 28.789.350 đồng.

Tổng cộng, bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH K số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán là: 97.683.000 đồng + 28.789.350 đồng = 126.472.350 đồng.

**[5].** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận, nên bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N phải chịu theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty TNHH K.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 30, 35, 39, 147, 244, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 275; Điều 351; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

**1**. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH K đối với bị đơn ông Võ Minh T2 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

**2.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH K đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N về yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền yêu cầu là 7.814.640 đồng.

**3.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH K đối với bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" như sau:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH K số tiền 126.472.350 đồng (trong đó: 97.683.000 đồng là tiền nợ gốc và 28.789.350 đồng là tiền lãi chậm thanh toán).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4.** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Chi cục THADS thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng THADS khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) hoàn lại cho nguyên đơn Công ty TNHH K số tiền tạm ứng đã nộp là 2.751.405 đồng theo Biên lai số 0000210 ngày 19/3/2025.

- Buộc bị đơn Công ty TNHH Cơ Khí N phải nộp số tiền 6.395.523 đồng.

**5.** Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa lúc tuyên án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/9/2025).

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa lúc tuyên án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM;
- VKSND khu vực 18 - Tp.HCM;
- Phòng THADS khu vực 18 - Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

**Vũ Phước Thành**